

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2021/HS-ST
Ngày 21/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến.
2. Ông Nguyễn Công Tình.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 252/2021/HS-ST ngày 20/8/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2021/QĐXXST-HS ngày 10/9/2021, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 11/12/1988, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Phúc M, sinh năm 1960; con bà Lê Thị X (đã chết), Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 04/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Thôn 7A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật Sư Lê Vĩnh H - Thuộc Văn Phòng Luật Sư T, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ Văn phòng: Tổ dân phố 12, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị hại: Ông Vũ Văn Đ; Địa chỉ cư trú: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị T; Địa chỉ cư trú: Thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/01/2021, trên đường đi công việc khi đi qua số nhà 144/22 đường P, xã C, thành phố B thì Lê Văn T thấy trước căn nhà của gia đình anh Vũ Văn Đ, có 01 cây Mai cao khoảng 2,5m, đường kính thân khoảng 11cm, tán rộng khoảng 02m và đã được vặt bỏ hết lá trồng ở sát mặt đường nhưng không có hàng rào bảo vệ. T liền nảy sinh ý định trộm cắp cây Mai trên đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 14/01/2021, T một mình điều khiển xe Mô tô biển số 47T1 – 034.70 đi từ nơi T thuê trọ, đến trước căn nhà của anh Vũ Văn Đ. Tại đây, T quan sát xung quanh thấy không có người, trong nhà anh Đ không có đèn thấp sáng, nên T dựng xe trên đường, rồi lén lút đi bộ đến chỗ cây Mai dùng hai tay cầm vào thân cây và lay qua lay lại nhiều lần nhổ được cây Mai lên. Sau đó, T để cây Mai vừa trộm cắp được phía sau yên xe Mô tô, biển số 47T1 – 034.70 một tay giữ cây Mai, một tay điều khiển xe Mô tô chở cây Mai trên đi về hướng bên xe phía Bắc tỉnh Đắk Lắk, để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến gần Km3 đường N, thành phố B, thì bị lực lượng tuần tra Công an phường T, thành phố B phát hiện đưa về trụ sở làm việc. Sau đó, Công an phường A đã chuyển giao hồ sơ vụ việc cùng vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KLGD ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 (một) cây Mai vườn tự nhiên (không uốn thế) đường kính thân 11cm; chiều cao từ gốc đến ngọn khoảng 2,5m; tán cành rộng khoảng 02m, cây còn sống và đã được vặt bỏ hết lá (tài sản thu hồi được); trị giá: 6.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 108/KLGD, ngày 26/5/2021 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây N kết luận:

- Kết luận về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 14/01/2021 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Lê Văn T bị bệnh: Rối loạn nhân cách, cảm xúc không ổn định, (F60.3-ICD10).

- Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 14/01/2021 và hiện tại (tại thời điểm giám định): Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 286/CT-VKS BMT ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Quá trình điều tra bị hại ông Vũ Văn Đ khai nhận: Cây Hoa Mai là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đ do bị cáo lấy cắp, hiện anh Đ đã nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, anh Đ đã viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị cáo, xác nhận những lời khai tại cơ quan điều tra của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và những lời khai đó là khách quan đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả cây Mai trên cho anh Vũ Văn Đ nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 xe Mô tô, biển số 47T1-034.70, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa và cho rằng: Việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa nhưng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong khuôn khổ pháp luật, cho bị cáo được hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, biển số 47T1-034.70, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo là đúng pháp luật.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt một cây Mai vườn tự nhiên của anh Vũ Văn Đ, trị giá 6.000.000 đồng là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào khoảng 01 giờ sáng ngày 14/01/2021, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cây Mai vườn tự nhiên đường kính thân 11cm, chiều cao từ gốc đến ngọn khoảng 2,5m; tán cành rộng khoảng 02m, trị giá 6.000.000 đồng của anh Vũ Văn Đ, với mục đích tiêu xài cá nhân. Mặt khác, ngày 16/01/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội. Cho nên đối với bị cáo cần T phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo là người bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả cây Mai cho anh Vũ Văn Đ nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 47T1-034.70 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 013701 do Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/7/2016; ghi tên chủ xe Lê Văn T, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước (đặc điểm, số lượng cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2021 của Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

[7]. Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo cho rằng khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức, tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng quy định của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 04/HSST, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Vũ Văn Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 cây Mai vườn tự nhiên đường kính thân 11cm, chiều cao từ gốc đến ngọn khoảng 2,5m; tán cành rộng khoảng 02m, cho bị hại anh Vũ Văn Đ nhận quản lý, sử dụng.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Lê Văn T: 01 xe Mô tô, nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 47T1-034.70 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 013701 do công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/7/2016; ghi tên chủ xe Lê Văn T, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội (đặc điểm, số lượng cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2021 của Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. B;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh